TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2026
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Hồng Quận.**

2. Bà **Trần Thị Kim Đồng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy L thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh

Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) ngày 25/10/2010. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống đến tháng 8/2017 thì xảy ra mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, chị và anh L đã cho nhau cơ hội để thay đổi nhưng không đạt kết quả nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân giữa chị và anh L không hàn gắn được, chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Duy L có 01 con chung tên Nguyễn Duy Phát S ngày 09/12/2010 hiện đang sống chung với anh L. Chị đồng ý để anh L tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung,nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 31/12/2025, bà Nguyễn Ngọc Á (mẹ ruột anh Nguyền Duy L1) trình bày: Vợ chồng anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị Ngọc T thành hôn năm 2010. Sau khi thành hôn vợ chồng đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, bà không biết xảy ra mâu thuẩn gì vợ chồng chị T, anh L cắt đứt quan hệ nhau khoản 07 năm nay. Con chung của chị T anh L là cháu Nguyễn Duy P do vợ chồng anh L gửi bà chăm sóc nuôi dưỡng từ khi cháu học lớp 1 đến nay. Cháu được gia đình bà chăm sóc chu đáo và cho học hành đầy đủ. Cháu P sống với anh L gia đình bà sẽ phụ anh L chăm sóc nuôi dưỡng cháu P đến trưởng thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt có văn bản đề nghị vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Duy L vắng mặt không lý do.

Điện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4 – Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn anh Nguyễn Duy L không tham gia phiên họp phiên hòa giải vắng mặt không lý do là vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 19, 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn với anh Nguyễn Duy L

Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung tên Nguyễn Duy Phát S ngày 09/12/2010 cho anh Nguyễn Duy L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Duy L vắng mặt lần 2 không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Duy L thành hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) ngày 25/10/2010 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày vợ chồng sống chung từ năm 2010 đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã cố gắng thay đổi nhưng không đạt kết quả nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ 2021 đến nay. Bà Nguyễn Ngọc Á (mẹ ruột anh Nguyễn Duy L) cũng xác định vợ chồng anh L, chị T xảy ra mâu thuẩn nên đã cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 07 năm nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhằm giúp đỡ chị T, anh L đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt không lý do, chứng tỏ, anh L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn vợ chồng chị T, anh L đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị T xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Duy L có 01 con chung tên Nguyễn Duy Phát S ngày 09/12/2010 hiện đang sống chung với anh L. Chị T đồng ý để anh L tiếp tục nuôi con theo nguyện vọng của con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi nên cần giao con chung tên Nguyễn Duy Phát S ngày 09/12/2010 cho anh Nguyễn Duy L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Anh Nguyễn Duy L là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81,82, 83 của của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

1.2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Duy Phát S ngày 09/12/2010 cho anh Nguyễn Duy L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009417 ngày 13/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị T không phải nộp tiếp.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4-VL;
- Phòng THA DS Khu vực 4-VL;
-UBND xã An Phú Đông- Đồng Tháp (GCNKH sô 81 quyển số 01 ngày 25/10/210)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Nga